

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA  
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ**  
**MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH NĂM 2025**

**Tên mô hình: NUÔI TÔM SÚ KẾT HỢP VỚI CÁ DÌA, CÁ DÒ**

Cơ quan chủ quản: **Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa**

Tổ chức chủ trì mô hình: **Trung tâm Khuyến nông**

Cán bộ phụ trách mô hình: **Đặng Bảo Uyên**

Thời gian thực hiện: **Năm 2025**

**Khánh Hòa, Năm 2026**

## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Trong những năm gần đây, nuôi thâm canh tôm sú, bùn đáy tích tụ gây ô nhiễm, dẫn đến dịch bệnh thường xuyên xảy ra, khó kiểm soát làm tôm chết hàng loạt. Với người dân ít vốn hoặc thiếu vốn không còn khả năng đầu tư tiếp tục nuôi tôm dẫn đến bỏ trống địa gia tăng.

Giải pháp cho người dân ít vốn đầu tư và vấn đề hạn chế ô nhiễm môi trường hướng đến nghề nuôi bền vững là nuôi kết hợp nhiều đối tượng trong ao. Nhằm giảm thiểu dịch bệnh, ô nhiễm môi trường trong ao nuôi tôm, tăng thu nhập cho người dân trên một đơn vị diện tích, tránh thiệt hại lớn từ việc nuôi tôm với mật độ cao. Nuôi kết hợp tôm sú với cá diạ hoặc cá dò trong ao mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nuôi đơn một đối tượng vì giúp đa dạng nguồn thu, tăng lợi nhuận trên cùng một đơn vị diện tích, ngoài ra khi gặp sự cố trên tôm sú người nuôi vẫn có nguồn thu từ cá diạ để bù đắp chi phí.

Cá diạ có đặc tính ăn tạp nghiêng về thực vật (rong, tảo) và mùn bã hữu cơ, nuôi ghép với tôm sú, cá diạ, cá dò tận dụng tốt nguồn rong, tảo và một phần thức ăn thừa cùng mùn bã hữu cơ, giúp cải tạo môi trường nước nuôi sạch hơn một cách tự nhiên. Quan trọng hơn cả, giúp giảm được chi phí thuốc và hóa chất trong quá trình nuôi, và giảm thiểu dịch bệnh.

Tôm chân trắng và tôm sú là hai đối tượng nuôi nước lợ chủ đạo của tỉnh Khánh Hòa. Theo báo cáo của Chi cục Thủy sản và Biển đảo tổng diện tích nuôi tôm sú là 460,7 ha. Thị xã Ninh Hòa có tổng diện tích ao diạ nuôi tôm sú năm 2025 là 47,6 ha. Cụ thể, phường Ninh Hà, thị xã Ninh Hòa là nơi có điều kiện khí hậu thuận lợi và đã triển khai nhiều mô hình nuôi tôm sú kết hợp đạt hiệu quả kinh tế cho người dân trong các năm trước đây từ Dự án CRSD của Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), các mô hình thủy sản của Trung tâm Khuyến ngư, Trung tâm Khuyến nông trước đây.

Tại xã Vạn Thọ, huyện Vạn Ninh trước đây (nay thuộc một phần xã Đại Lãnh), địa phương có lợi thế về diện tích mặt nước ao nuôi và vùng ven biển, phù hợp phát triển nuôi trồng thủy sản với các đối tượng chủ lực như tôm thẻ chân trắng, sá sùng và cá biển nuôi lồng bè. Trong đó, thôn Tuần Lễ là khu vực trọng điểm nuôi tôm thẻ chân trắng với diện tích khoảng 40 ha. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến ngày càng cực đoan, môi trường nuôi biến động mạnh, dịch bệnh trên tôm diễn ra phức tạp, dẫn đến hiệu quả nuôi giảm. Một số diện tích ao nuôi kém hiệu quả bị bỏ hoang hoặc người dân chuyển đổi sang các hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh (trái bặt) hoặc chuyển sang nuôi các đối tượng khác như cá biển, ốc hương.

Trước thực trạng đó, Trung tâm triển khai mô hình nuôi tôm sú kết hợp cá diạ theo hướng đa dạng sinh học nhằm tận dụng các ao nuôi kém hiệu quả, góp phần

cải thiện môi trường ao nuôi và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân. Đồng thời, mô hình là cơ sở để đánh giá khả năng nhân rộng tại các địa phương có điều kiện tương tự.

## II. MỤC TIÊU CỦA MÔ HÌNH

### 1. Mục tiêu tổng quát:

- Nhân rộng mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá dìa, cá dò trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm thiểu rủi ro dịch bệnh, thiệt hại cho người nuôi trồng thủy sản.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

- Năm 2025: Xây dựng 02 mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá dìa, cá dò tại tỉnh Khánh Hòa.
- Các chỉ tiêu kỹ thuật của mô hình: Thời gian nuôi: 6 tháng. Năng suất  $\geq 1,5$  tấn/ha. Cỡ tôm thu hoạch: 50 – 60 con/kg. Tỷ lệ sống  $\geq 70\%$ . Hệ số thức ăn (FCR): Thức ăn công nghiệp  $\leq 1,5$ .
- + Hiệu quả kinh tế dự kiến tăng 25% trở lên so với mô hình nuôi đơn đối tượng tôm sú.
- Tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, hội thảo, tổng kết, thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định.

## III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI

### 1. Nội dung 1: Xây dựng mô hình trình diễn:

Xây dựng 02 mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá dìa, cá dò tại tỉnh Khánh Hòa. Quy mô: 3,0 ha. Dự kiến chỉ tiêu kỹ thuật: Tỷ lệ sống tôm sú và cá  $\geq 70\%$ ; năng suất  $\geq 1,5$  tấn /ha và hiệu quả kinh tế đạt 25% so với nuôi đơn đối tượng tôm sú.

#### *Bước 1: Chọn điểm xây dựng mô hình trình diễn:*

Sau khi Dự toán được phê duyệt. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp (nay là Trung tâm Khuyến nông) triển khai các công việc sau:

- Thông báo công khai, rộng rãi về kế hoạch xây dựng mô hình trình diễn khuyến nông với địa phương nơi có quy hoạch và tiềm năng diện tích mặt nước có thể phát triển mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá dìa, cá dò;
- Tiến hành chọn điểm, chọn hộ nuôi công khai đáp ứng theo yêu cầu của mô hình. Trong đó tiêu chí các hộ được chọn là:
  - + Cam kết đầu tư vốn đối ứng cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.
  - + Cam kết đủ vốn đầu tư về vật tư cho mô hình.
  - + Tự nguyện tham gia MH và cam kết tuân thủ quy trình kỹ thuật, các hướng dẫn, các quy định của MH.

+ Chủ hộ có khả năng vận động thuyết phục và hướng dẫn các hộ khác làm theo.

+ Hoạt động của cơ sở nuôi phải tuân thủ các quy định của Nhà nước: Cơ sở nuôi phải tách biệt với khu dân cư, nhà máy, bệnh viện, có hệ thống cấp nước không bị ô nhiễm đảm bảo tiêu chuẩn cho nuôi trồng thủy sản;

+ Có diện tích tối thiểu 0,5 ha/hộ; Ao có độ sâu 1,2-2,0 m nước;

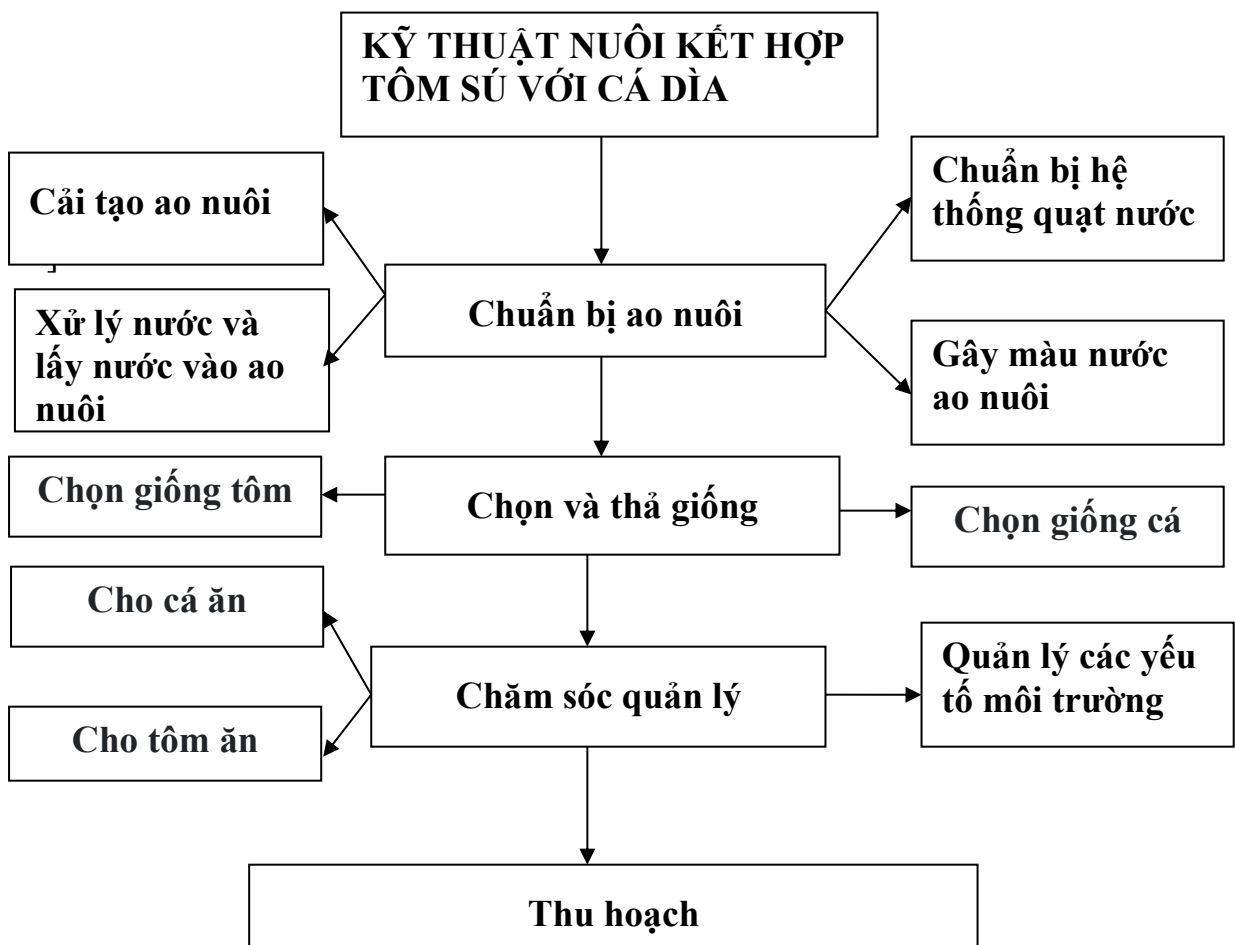
+ Có kho hoặc nơi chứa thức ăn, thuốc hóa chất, chế phẩm sinh học...

+ Số hộ cần chọn: 02-03 hộ.

**Bước 2: Triển khai xây dựng mô hình trình diễn:**

- Tiến hành tập huấn kỹ thuật nuôi tôm sú với cá diá, cá dò, hướng dẫn triển khai, xây dựng mô hình trình diễn;

- Áp dụng quy trình kỹ thuật từ kết quả thực hiện đề tài “Xây dựng mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá đối mục tại thị xã Ninh Hòa” của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa năm 2018 được Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa) phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài tại Quyết định số 206/QĐ-SNN ngày 08/04/2020 và qua thực tiễn sản xuất. Cụ thể như sau:



### **Hình 1. Sơ đồ khối quy trình nuôi tôm sú kết hợp với cá dìa**

- Sau khi có Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Trung tâm tiến hành các thủ tục hỗ trợ con giống, vật tư cho các hộ tham gia mô hình;

\* **Giống tôm sú:** Mua ở cơ sở uy tín đảm bảo chất lượng, có giấy kiểm dịch.

- Kích cỡ tôm giống: PL 15. Mật độ thả 15 con/m<sup>2</sup>.

- Tôm giống đồng đều về kích cỡ, màu sắc, ít phân đàn.

- Tôm giống đảm bảo khỏe mạnh, sạch bệnh, đạt chất lượng tốt.

\* **Giống cá dìa, cá dò:** Mua ở cơ sở uy tín đảm bảo chất lượng, có kiểm dịch đầy đủ.

- Kích cỡ giống cá: 4-6cm/con. Mật độ thả 0,5 con/m<sup>2</sup>.

- Chất lượng: Cá giống khỏe mạnh, không xây xát, hoạt động nhanh, nhìn ngoài màu sắc sáng đẹp tự nhiên.

Để đảm bảo đồng nhất về, kích cỡ, chất lượng con giống, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp chịu trách nhiệm chọn và mua giống cả phần hỗ trợ và phần dân đối ứng, sau đó tiến hành bàn giao cho các hộ dân tham gia triển khai mô hình.

#### ***Bước 3: Theo dõi, kiểm tra, báo cáo tiến độ thực hiện mô hình***

Trong quá trình thực hiện mô hình, cán bộ phụ trách mô hình cùng với chủ mô hình nuôi luôn theo dõi chăm sóc, tiến hành kiểm tra, quản lý ao nuôi tôm theo đúng quy trình kỹ thuật. Viết nhật ký triển khai mô hình, lập biên bản kiểm tra định kỳ,...

#### ***Bước 4: Báo cáo kết quả mô hình trình diễn***

Sau khi kết thúc vụ nuôi, cán bộ chỉ đạo mô hình cùng chủ mô hình hoạch toán hiệu quả kinh tế, báo cáo kết quả triển khai mô hình.

## **2. Nội dung 2: Đào tạo, tập huấn, sơ kết mô hình trình diễn**

### ***Tổ chức lớp tập huấn kỹ thuật***

Trung tâm gửi công văn phối hợp với Phòng Kinh tế phường/xã, UBND phường nơi triển khai mô hình tổ chức lớp tập huấn:

+ Số lớp: 01 lớp.

+ Quy mô: Không quá 30 người/lớp.

+ Thời gian tập huấn: 01 ngày/lớp.

+ Nội dung tập huấn: Kỹ thuật nuôi tôm sú kết hợp với cá dìa, cá dò.

+ Phương pháp tập huấn: Sử dụng phương pháp lấy học viên làm trung tâm, giảng viên đưa ra các gợi ý để các học viên trao đổi thảo luận, giảng viên chỉ là người hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của học viên.

+ Giáo viên tập huấn: là cán bộ chủ nhiệm đề tài hoặc thuê cán bộ ngoài

đơn vị đáp ứng đầy đủ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Đối tượng là những hộ nông ngư dân được chọn tham gia xây dựng mô hình và các hộ dân lân cận có nhu cầu học tập kỹ thuật nuôi thương phẩm tôm sú kết hợp với cá diêu, cá dòn.

+ Kết quả dự kiến đạt được: Các hộ dân tham gia tập huấn đều nắm được kỹ thuật nuôi và có thể triển khai mô hình.

### ***Tổ chức lớp sơ/tổng kết mô hình***

- Phối hợp với Phòng Kinh tế phường/xã, UBND phường nơi triển khai mô hình tổ chức 01 lớp sơ/tổng kết mô nuôi kết hợp tôm sú với cá diêu, cá dòn cho 30 người dân tham dự nhằm đánh giá hiệu quả triển khai thực hiện và làm cơ sở nhân rộng mô hình sau này.

- Kết quả dự kiến đạt được: Các hộ dân tham gia sơ kết đều nhận thức rõ hiệu quả từ các mô hình đã triển khai.

### **3. Nội dung 3: Thông tin tuyên truyền**

Xây dựng 02 pano giới thiệu mô hình ngay tại ao nuôi hộ triển khai mô hình/viết 01 tin, bài đăng trên trang thông tin điện tử của đơn vị/báo đài tại địa phương để quảng bá mô hình.

- Tuyên truyền trên đài phát thanh địa phương xã/huyện/đài truyền hình hoặc tin/bài trên báo đài tại địa phương/ trang web/ tập san về thông tin liên quan đến mô hình trình diễn tại địa bàn triển khai, để người dân quan tâm biết và học tập làm theo.

- Chủ nhiệm mô hình lưu giữ tư liệu của mô hình thông qua các hình ảnh hoặc tư liệu phim trong suốt quá trình hoạt động của mô hình từ khi chọn hộ, chuẩn bị ao nuôi, chăm sóc... đến khi thu hoạch.

### **4. Nội dung 4: Kiểm tra, giám sát đánh giá**

+ Chủ nhiệm mô hình báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng cho Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp để tổng hợp báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

+ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, chủ nhiệm mô hình phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện mô hình và kiểm tra đột xuất nếu có.

+ Tổ chức nghiệm thu mô hình tại địa bàn theo quy định ngay sau khi kết thúc mô hình, tổng hợp báo cáo theo quy định.

+ Tổ chức nghiệm thu và đánh giá kết quả triển khai thực hiện hàng năm theo quy định.

### III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH:

#### 1. Nội dung 1: Xây dựng mô hình trình diễn:

##### 1.1. Khảo sát chọn địa điểm triển khai mô hình:

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp (nay là Trung tâm Khuyến nông) gửi Phòng Nông nghiệp và Môi trường TX. Ninh Hòa và huyện Vạn Ninh; UBND phường Ninh Hà và xã Vạn Thọ, công văn số 250/TTCGCNKN-NVKN ngày 09/05/2025 về việc triển khai công tác chọn hộ thực hiện chương trình khuyến nông năm 2025;

Sau khi UBND các xã/phường chọn được hộ đáp ứng tiêu chí chọn hộ và các hộ đăng ký theo mẫu đơn kèm theo gửi về Trung tâm.

Trên cơ sở các hộ đăng ký theo mẫu đơn do UBND xã Vạn Thọ, UBND phường Ninh Hà gửi về trung tâm; trung tâm gửi công văn số 293/TTCGCNKN-NVKN ngày 20/05/2025 về việc kiểm tra, xác định chọn hộ thực hiện chương trình Khuyến nông năm 2025.

Sau khi tiến hành khảo sát chọn hộ ngày 21/05/2025, Trung tâm chọn và ký hợp đồng với 2 hộ triển khai mô hình, trong đó 1 hộ ở xã Vạn Thọ và 1 hộ ở phường Ninh Hà (có biên bản khảo sát).

##### 1.1. Thông tin về chủ mô hình

Sau khi khảo sát chọn hộ trung tâm tiến hành ký hợp đồng với các hộ được chọn, cụ thể:

**Bảng 1. Thông tin hộ dân thực hiện mô hình**

| TT | Họ và tên chủ hộ | Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân | Số điện thoại | Địa bàn triển khai   | Quy mô | Hợp đồng                              |
|----|------------------|--|---------------|--|--------|---------------------------------------|
| 1  | Trần Ngọc Phú    | 056081010499                             | 0869355799    | Tổ dân phố Hậu Phước, phường Hòa Thắng (Ninh Hà cũ), tỉnh Khánh Hòa. | 2,0 ha | HĐ số 123/HĐ-TTCGCNKN ngày 28/05/2025 |
| 2  | Nguyễn Phụng     | 056069002825                             | 0942035534    | Thôn Tuần Lễ, xã Đại Lãnh (Vạn Thọ cũ), tỉnh Khánh Hòa               | 1,0 ha | HĐ số 124/HĐ-TTKN ngày 28/05/2025     |

## 1.2. Cung cấp giống, vật tư cho mô hình

### - Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp:

**Bảng 2. Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp giống, thức ăn và vật tư**

| Stt | Danh mục hàng hóa              | Đơn vị cung cấp   | Chất lượng   | Hình thức mua | Hình thức, tiến độ cấp phát  |
|-----|--------------------------------|---|--|---------------|--|
| 1   | Giống tôm sú                   | Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Nam Mỹ                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ tôm giống: PL 15</li> <li>- Tôm giống đồng đều về kích cỡ, màu sắc theo loài, ít phân đàn.</li> <li>- Tôm giống đảm bảo khỏe mạnh, sạch bệnh, đạt chất lượng tốt.</li> </ul> <p><i>(có giấy kiểm dịch)</i></p>  | Chỉ định thầu | Giao tận nơi triển khai mô hình, hộ dân ký nhận đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. |
| 2   | Giống cá diá                   | Công ty TNHH Dịch vụ sản xuất thương mại Ngọc Thủy                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ giống cá: 6cm/con.</li> </ul> <p>Chất lượng: Cá giống khỏe mạnh, không xây xát, hoạt động nhanh, nhìn ngoài màu sắc sáng đẹp tự nhiên. <i>(có giấy chứng nhận cơ sở đạt chuẩn nuôi trồng)</i></p>   | Chỉ định thầu | Giao tận nơi triển khai mô hình, hộ dân ký nhận đảm bảo đủ số lượng và chất lượng  |
| 3   | Thức ăn công nghiệp cho tôm sú | Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ nông nghiệp Trường Tồn | <p>Tiêu chuẩn thức ăn công nghiệp cho tôm sú, cụ thể: Hàm lượng protein: <math>\geq 40\%</math>;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng mảnh, viên; hình trụ đều nhau, bề mặt mịn; kích cỡ viên thức ăn tùy thuộc vào kích cỡ tôm tại thời điểm nuôi.</li> <li>- Thức ăn đảm bảo chất lượng, không bị ẩm</li> </ul> | Chỉ định thầu | Giao tận nơi triển khai mô hình, hộ dân ký nhận đảm bảo đủ số lượng và chất lượng  |

|   |                              |                                     |  |              |   |
|---|------------------------------|-------------------------------------|--|--------------|---|
|   |                              |                                     | <p>mốc.</p> <p>- Còn hạn sử dụng: 90 ngày kể từ ngày sản xuất in trên bao bì.</p> <p>- Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>Bao bì đóng gói phải nguyên vẹn, khô ráo, không rách nát, thông tin trên bao bì phải rõ ràng.</p> |              |   |
| 4 | Thuốc, hóa chất, men vi sinh | Công ty TNHH MTV thủy sản Ngọc Thảo | Đảm bảo chất lượng, hàng còn mới, nguyên tem mác   | Tự thực hiện | Giao tận nơi triển khai mô hình, hộ dân ký nhận đảm bảo đủ số lượng và chất lượng |

- **Kết quả giao nhận giống, vật tư**

**(1) Hộ ông Trần Ngọc Phú**

Quy mô: 02 ha tại vùng nuôi thuộc phường Hòa Thắng (Ninh Hà cũ).

**Bảng 3. Kết quả giao nhận giống, thức ăn và vật tư**

| Nội dung                       | ĐVT | Yêu cầu MH | Trong đó           |                    | Ngày giao nhận/Thả giống | Ghi chú                           |
|--------------------------------|-----|------------|--------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------------|
|                                |     |            | Số lượng NN hỗ trợ | Số lượng đối ứng   |                          |                                   |
| Giống tôm sú                   | con | 300.000    | 150.000            | 150.000            | Ngày 23/06/2025          |                                   |
| Giống cá diá                   | con | 10.000     | 5.000              | 5.000              | Ngày 24/06/2025          |                                   |
| Thức ăn công nghiệp cho tôm sú | kg  | 7.000      | 1.740              | 1.740 (tự đối ứng) | Lần 1: ngày 21/06/2025   | NN chỉ mua phần hỗ trợ. Hộ dân tự |

|                  |     |    |       |                       |                        |                              |
|------------------|-----|----|-------|-----------------------|------------------------|------------------------------|
|                  |     |    | 1.760 | 1.760<br>(tự đối ứng) | Lần 2: ngày 23/09/2025 | đối ứng khi chưa nhận hỗ trợ |
| Hóa chất (Iodin) | lít | 40 | 20    | 20 (tự đối ứng)       | Ngày 21/06/2025        |                              |
| Vitamin C        | kg  | 35 | 17,5  | 17,5 (tự đối ứng)     |                        |                              |
| Khoáng           | kg  | 35 | 17,5  | 17,5 (tự đối ứng)     |                        |                              |

**(2) Hộ ông Nguyễn Phụng**

Quy mô: 01 ha tại vùng nuôi thuộc xã Đại Lãnh (xã Vạn Thọ cũ).

**Bảng 4. Kết quả giao nhận giống, thức ăn và vật tư**

| Nội dung                       | ĐVT | Yêu cầu MH | Trong đó           |                     | Ngày giao nhận/Thả giống                | Ghi chú  |
|--------------------------------|-----|------------|--------------------|---------------------|---|--|
|                                |     |            | Số lượng NN hỗ trợ | Số lượng đối ứng    |   |  |
| Giống tôm sú                   | con | 150.000    | 75.000             | 75.000              | Ngày 23/06/2025                         | Mật độ 25 con/m <sup>2</sup>                                   |
| Giống cá diá                   | con | 5.000      | 2.500              | 2.500               | Ngày 24/06/2025                         | Mật độ 0,5 con/m <sup>2</sup>                                  |
| Thức ăn công nghiệp cho tôm sú | kg  | 3.500      | 880                | 880<br>(tự đối ứng) | Lần 1: Ngày 21/06/2025                  | NN chỉ mua phân hỗ trợ. Hộ dân tự đối ứng khi chưa nhận hỗ trợ |
|                                |     |            | 870                | 0                   | Lần 2: Hộ dân xin không tiếp tục đầu tư |  |
| Hóa chất (Iodin)               | lít | 20         | 10                 | 20 (tự đối ứng)     | Ngày 21/06/2025                         |  |
| Vitamin C                      | kg  | 17         | 8,5                | 17,5 (tự đối ứng)   |   |  |
| Khoáng                         | kg  | 17         | 8,5                | 17,5 (tự đối ứng)   |   |  |

**Bảng 5. Tổng hợp kết quả các chỉ tiêu xây dựng mô hình**

| STT | Chỉ tiêu mô hình                 | Đơn vị tính | Theo thuyết minh | Thực tế đạt được | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|-------------|------------------|------------------|---------|
| 1   | Quy mô thực hiện                 | ha          | 3,0              | 3,0              |         |
| 2   | Số hộ tham gia                   | hộ          | 2                | 2                |         |
| 3   | Thời gian triển khai             | tháng       | 8                | 7                |         |
| 4   | <b>Giống</b>                     |             |                  |                  |         |
|     | Tôm sú                           | con         | 450.000          | 450.000          |         |
|     | Cá diạ                           | con         | 15.000           | 15.000           |         |
| 5   | <b>Thức ăn, vật tư thiết yếu</b> |             |                  |                  |         |
|     | Thức ăn công nghiệp tôm          | kg          | 10.500           | 7.880            |         |
|     | Hóa chất (Iodine)                | lít         | 60               | 60               |         |
|     | Vitamin C                        | kg          | 52               | 52               |         |
|     | Khoáng                           | kg          | 52               | 52               |         |

Thức ăn công nghiệp cho tôm sú sử dụng cho mô hình thấp hơn dự kiến do nguyên nhân cụ thể như sau:

+ **Mô hình tại xã Đại Lãnh:** do thời tiết mưa nắng thất thường, ảnh hưởng áp thấp nhiệt đới giữa cuối tháng 10/2025 làm môi trường ao nuôi tại hộ dân xã Đại Lãnh bị thay đổi dẫn đến tôm bị stress bỏ ăn, tỷ lệ hao hụt cao, mô hình thiệt hại nặng, hộ dân xin không tiếp tục đầu tư mô hình nên phần thức ăn công nghiệp tôm sú đợt 2 nhà nước không hỗ trợ cho hộ dân.

+ **Mô hình tại phường Hòa Thắng:** từ ngày 16 – 22/11/2025, mưa lớn kéo dài gây lũ lụt, mô hình tại hộ dân phường Hòa Thắng ước tính thất thoát khoảng 80% số lượng tôm cá và khoảng 20% còn lại trong ao nhưng theo đánh giá của Đoàn kiểm tra sau vài ngày sẽ thiệt hại hoàn toàn do ao nuôi tôm bị ô nhiễm nước bạc từ mưa lũ nên tôm cá còn lại không thể sống; tại thời điểm xảy ra mưa lũ thức ăn, vật tư thiết yếu nhà nước hỗ trợ đã sử dụng hết và phần đối ứng của hộ dân bị nước cuốn trôi phần còn lại.

**Bảng 6. Kết quả giá trị giống, vật tư đã hỗ trợ cho nông dân**

|   |                                  |     |         |            |               |
|---|----------------------------------|-----|---------|------------|---------------|
| 1 | <b>Giống tôm sú</b>              | Con | 450.000 | 63.000.000 | Chỉ định thầu |
| 2 | <b>Giống cá diạ</b>              | Con | 15.000  | 90.000.000 | Chỉ định thầu |
| 3 | <b>Thức ăn, vật tư thiết yếu</b> |     |         |            |               |

|                  |                            |     |       |                    |               |
|------------------|----------------------------|-----|-------|--------------------|---------------|
|                  | <i>Thức ăn công nghiệp</i> | kg  | 4.380 | 162.060.000        | Chỉ định thầu |
|                  | <i>Hóa chất (Iodine)</i>   | lít | 30    | 7.950.000          | Tự thực hiện  |
|                  | <i>Vitamin C</i>           | kg  | 26    | 5.200.000          | Tự thực hiện  |
|                  | <i>Khoáng</i>              | kg  | 26    | 1.560.000          | Tự thực hiện  |
| <b>Tổng cộng</b> |                            |     |       | <b>285.460.000</b> |               |

### 1.3 Quy trình kỹ thuật, tiến bộ về quản lý được áp dụng trong mô hình:

- Áp dụng quy trình kỹ thuật từ kết quả thực hiện đề tài “Xây dựng mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá đối mực tại thị xã Ninh Hòa” của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa năm 2018 được Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa) phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài tại Quyết định số 206/QĐ-SNN ngày 08/04/2020 và qua thực tiễn sản xuất. (có quy trình thực hiện chi tiết đã kèm theo trong thuyết minh mô hình).

## 2. Nội dung 2 và nội dung 3: Đào tạo tập huấn, tổng kết, thông tin tuyên truyền

**Bảng 7. Kết quả công tác tập huấn, tổng kết, thông tin tuyên truyền**

| STT      | Nội dung  | ĐVT | Theo thuyết minh | Thực tế đạt được | Kinh phí thực hiện (đồng) | Ghi chú  |
|----------|---|-----|------------------|------------------|---------------------------|--|
| <b>1</b> | <b>Tập huấn kỹ thuật nuôi tôm sú kết hợp với cá diêu, cá dò</b>                 |     |                  |                  | <b>7.545.600</b>          |  |
|          | Số lớp  | Lớp | 1                | 1                |                           |  |
|          | Số học viên tham dự   | HV  | 30               | 30               |                           |  |
| <b>2</b> | <b>Tổng kết mô hình xây dựng mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá diêu, cá dò</b> |     |                  |                  | <b>0</b>                  | Không thực hiện được do mô hình bị thiệt hại do mưa lũ |
|          | Số lớp  | Lớp | 1                | 0                |                           |  |
|          | Số học viên tham dự   | HV  | 30               | 0                |                           |  |
| <b>3</b> | <b>Thông tin tuyên truyền</b>   |     |                  |                  | <b>2.000.000</b>          |  |
|          | Pano cắm tại mô hình  | Cái | 2                | 2                | 2.000.000                 |  |

## 3. Nội dung 4: Kiểm tra, giám sát mô hình

### 3.1. Kiểm tra tiến độ công tác triển khai mô hình:

Trung tâm tiến hành ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm đối với các mô hình khuyến nông năm 2025 để theo dõi, kiểm tra đánh giá tiến độ triển khai của các mô hình nhằm có giải pháp xử lý được kịp thời. Cụ thể như sau:

- Thành phần đoàn kiểm tra: Theo Kế hoạch số 147/TTDVNN-KHTC, ngày 06 tháng 08 năm 2025, về việc kiểm tra, nghiệm thu tiến độ thực hiện mô hình Khuyến nông năm 2025; Trạm Khuyến nông Bắc Khánh Hòa; cán bộ phụ trách mô hình và hộ dân tham gia.

- Nội dung kiểm tra: kiểm tra tiến độ thực hiện mô hình Khuyến nông năm 2025 (có biên bản).

**Bảng 8. Kết quả kiểm tra tiến độ mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá dìa, cá dò**

| STT | Chỉ tiêu kỹ thuật       | Ngày kiểm tra/ Hộ dân |          |            |           |            |           |            |  |
|-----|-------------------------|-----------------------|----------|------------|-----------|------------|-----------|------------|--|
|     |                         | 07/8/2025             |          | 10/09/2025 |           | 16/10/2025 |           | 13/11/2025 | 26/11/2025   |
|     |                         | Hòa Thắng             | Đại Lãnh | Hòa Thắng  | Đại Lãnh  | Hòa Thắng  | Đại Lãnh  | Hòa Thắng  | Hòa Thắng  |
| 1   | Nhiệt độ (°C)           | 29                    | 29       | 28         | 28        | 28         | 28        | 29         | 28   |
| 2   | Kích cỡ tôm sú (con/kg) | 300 - 350             | 300 -400 | 200 - 250  | 250 - 300 | 150 - 200  | 200 - 250 | 100 - 150  | 80 - 100   |
| 3   | Kích cỡ cá dìa (g/con)  | 80 - 100              | 70 - 90  | 120 - 150  | 100 - 120 | 150 - 180  | 120 -150  | 150        | 200  |
| 4   | Tỷ lệ sống (%)          | 90                    | 80       | 85         | 70        | 80         | < 70      | 80         | Thất thoát ước tính khoảng 80% số lượng tôm cá và 20% còn lại trong ao |
| 5   | Tình hình dịch bệnh     | Không                 | Không    | Không      | Không     | Không      | Không     | Không      | Ô nhiễm nước bọt do mưa lũ   |

### 3.2 Kiểm tra định kỳ hàng tháng triển khai mô hình

- Thành phần: Chủ mô hình và cán bộ phụ trách mô hình.

- Nội dung: Kiểm tra quá trình thực hiện mô hình của chủ mô hình (Có biên bản).

**Bảng 9. Kết quả kiểm tra định kỳ 02 mô hình nuôi tôm sú kết hợp với cá dìa, cá dò**

| STT | Chỉ tiêu kỹ thuật | Ngày/ Hộ dân | Ngày 16/07/2025 |          | Ngày 13/08/2025 |          | Ngày 19/09/2025 |          | Ngày 26/10/2025 |          |
|-----|-------------------|--------------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------------|----------|
|     |                   |              | Hòa Thắng       | Đại Lãnh | Hòa Thắng       | Đại Lãnh | Hòa Thắng       | Đại Lãnh | Hòa Thắng       | Đại Lãnh |
| 1   | Nhiệt độ (°C)     |              | 29              | 30       | 29              | 30       | 28              | 28       | 28              | 28       |

|   |                         |           |           |           |           |           |           |           |           |
|---|-------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 2 | Kích cỡ tôm sú (con/kg) | 500 - 550 | 500 - 600 | 300 - 350 | 300 - 400 | 150 - 200 | 200 - 300 | 100 - 150 | 150 - 200 |
| 3 | Kích cỡ cá dìa (g/con)  | 50 - 70   | 50 - 60   | 80 - 100  | 70 - 90   | 120 - 150 | 100 - 120 | 150 - 180 | 120 - 150 |
| 4 | Tỷ lệ sống (%)          | 95        | 90        | 90        | 80        | 85        | 70        | 80        | < 70      |
| 5 | Tình hình dịch bệnh     | Không     | Không     | Không     | Không     | Không     | Không     | Không     | Không     |

Qua kiểm tra định kỳ và nhật ký theo dõi của hộ dân, tôm sú tại phường Hòa Thắng phát triển sinh trưởng bình thường. Mô hình tại xã Đại Lãnh, mưa nắng thất thường kéo dài, tôm sú phát triển chậm, tỷ lệ hao hụt cao.

Ngoài ra, mô hình thường xuyên cập nhật báo cáo tiến độ hàng tháng (định kỳ hàng tháng) về Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp (nay là Trung tâm Khuyến nông) để tổng hợp báo cáo Cơ quan chủ quản là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa.

#### 4. Đánh giá chung kết quả thực hiện mô hình

- Những kết quả, sản phẩm chính của mô hình đã đạt được:

**Bảng 10. Kết quả, sản phẩm chính của mô hình đã đạt được**

| TT         | Kết quả/sản phẩm của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt |                 |  |                          |   |
|------------|--|-----------------|--|--------------------------|---|
|            | Chỉ tiêu/nội dung  | Theo kế hoạch   |  | Kết quả thực tế đạt được |   |
|            |  | Số lượng        | Chất lượng   | Số lượng                 | Chất lượng  |
| <b>I</b>   | <b>Xây dựng mô hình</b>                                  |                 |  |                          |   |
| 1          | Số mô hình   | 02              | - Thời gian nuôi 6 tháng;<br>- Tỷ lệ sống $\geq 70\%$ ,<br>kích cỡ thu hoạch: 50 – 60 con/kg,<br>FCR $\leq 1,5$ ; Năng suất 1,5 tấn /ha. | 02                       | Hai mô hình đều bị thiệt hại do ngập lụt từ 16-22/11/2025 và áp thấp nhiệt đới giữa cuối tháng 10/2025. <i>(Chi tiết phụ lục 1)</i> |
| 2          | Quy mô mô hình   | 3 ha            |  | 3 ha                     |   |
| 3          | Sản lượng tôm của mô hình                                | $\geq 9.000$ kg |  |                          |   |
| 4          | Sản lượng cá dìa của mô hình                             | $\geq 9.000$ kg |  |                          |   |
| <b>II</b>  | <b>Tập huấn xây dựng với mô hình</b>                     |                 |  |                          |   |
| 1          | Số lớp   | 01              | Học viên sau khi tập huấn có thể triển khai mô hình.   | 01                       | Học viên sau khi tập huấn có thể triển khai mô hình.  |
| 2          | Số người tham gia  | 30              |  | 30                       |   |
| <b>III</b> | <b>Tổng kết mô hình</b>                                  |                 |  |                          |   |

|           |  |    |                                     |    |   |
|-----------|--|----|-------------------------------------|----|---|
| 1         | Số cuộc                                    | 01 | Đánh giá được hiệu quả của mô hình. | 0  | Không thực hiện được do mô hình bị thiệt hại mưa lũ |
| 2         | Số người tham gia                          | 30 |                                     | 0  |   |
| <b>IV</b> | <b>Thông tin tuyên truyền</b>              |    |                                     |    |   |
| 1         | Lắp đặt pano tại các hộ trình diễn mô hình | 02 | Đầy đủ thông tin, hài hòa đẹp mắt.  | 02 | Đầy đủ thông tin, hài hòa đẹp mắt.                  |

## V. HIỆU QUẢ VÀ KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG

### 1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường

#### *\*) Hiệu quả kinh tế:*

Hai mô hình đều bị thiệt hại do ngập lụt từ ngày 16 - 22/11/2025 và áp thấp nhiệt đới giữa cuối tháng 10/2025, Trung tâm đã phối hợp với các chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương để tiến hành đánh giá hiện trạng (*đính kèm biên bản kiểm tra*) nên mô hình chỉ đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật từ khi bắt đầu thả giống đến thời điểm trước xảy ra thiệt hại.

Trước khi xảy ra thiệt hại, mô hình đạt hiệu quả kinh tế, trong đó điểm Hòa Thắng đạt tỷ suất lợi nhuận khoảng 44,5%, còn Đại Lãnh hiệu quả thấp do thời tiết bất lợi. Tính chung toàn mô hình, tỷ suất lợi nhuận đạt khoảng 28,6%, vượt chỉ tiêu đề ra (hiệu quả kinh tế mô hình  $\geq 25\%$ ), cho thấy mô hình có hiệu quả và tiềm năng nhân rộng trong điều kiện bình thường. **(Chi tiết tại phụ lục 1)**

#### *\*) Hiệu quả về xã hội:*

Mô hình nuôi tôm sú kết hợp cá dìa theo hướng đa dạng sinh học nhằm tận dụng các ao nuôi kém hiệu quả để tăng hiệu quả kinh tế cho người nuôi.

Góp phần tạo việc làm cho người dân có nguồn vốn thấp không thể làm mô hình công nghệ cao cần vốn đầu tư lớn.

#### *\*) Hiệu quả về môi trường:*

Mô hình trình diễn giúp người nuôi có nhiều lựa chọn để chọn nuôi theo hình thức nuôi phù hợp với năng lực tài chính và chuyên môn của mình. Đồng thời, giảm tải áp lực môi trường khi các mô hình khác nuôi thâm canh, siêu thâm canh với mật độ cao; đồng thời việc nuôi kết hợp giữa hai đối tượng khác nhau không cạnh tranh về môi trường sống, thức ăn nhằm góp phần cải thiện môi trường ao nuôi, giảm thiểu dịch bệnh.

### 2. Đánh giá mức độ thiệt hại so với mặt bằng chung và tình hình nuôi tôm tại địa phương:

Mức độ thiệt hại của mô hình được đánh giá là tương đương với mặt bằng chung của địa phương. Theo thống kê, đợt mưa lũ đã gây thiệt hại khoảng 760 tỷ

đồng trên toàn tỉnh Khánh Hòa, riêng lĩnh vực nông nghiệp khoảng 400 tỷ đồng; trong đó thủy sản có khoảng 80 ha ao nuôi bị ảnh hưởng, nhiều khu vực thiệt hại nặng, có nơi đến 20/59 ha bị mất trắng. Điều này cho thấy rủi ro do thiên tai đối với nuôi trồng thủy sản là rất lớn và mang tính diện rộng.

Nhìn chung, trong điều kiện sản xuất bình thường, mô hình có hiệu quả và tiềm năng nhân rộng. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững, cần tăng cường các giải pháp quản lý môi trường, tuân thủ lịch thời vụ và chủ động phòng, chống thiên tai nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình nuôi.

### 3. Khả năng mở rộng của mô hình

Trong quá trình triển khai mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá dìa, nhiều hộ dân xung quanh đã đến tham quan và trao đổi kinh nghiệm thực tế. Thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật, người nuôi được giảng viên hướng dẫn cụ thể về phương pháp nuôi ghép theo hướng bền vững, lựa chọn các đối tượng không cạnh tranh thức ăn, không cùng mầm bệnh và tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên của ao nuôi. Đồng thời thông qua các lớp tập huấn, người nuôi và địa phương mong muốn nhà nước tiếp tục đầu tư, quan tâm để hộ nuôi có thể nhân rộng mô hình này trong thời gian đến.

## VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí thực hiện mô hình: **570.920.000 đồng.**

Nguồn vốn NSNN: 303.180.000 đồng.

Nguồn vốn đối ứng: 285.460.000 đồng

2. Tình hình cấp phát kinh phí: cấp 1 lần số tiền: **303.180.000 đồng.**

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

**Bảng 14. Bảng tình hình sử dụng kinh phí thực hiện mô hình**

| TT               | Nội dung               | Dự toán nhà nước hỗ trợ (đ) | Kinh phí nhà nước đã sử dụng (đ) |
|------------------|------------------------|-----------------------------|----------------------------------|
| 1                | Xây dựng mô hình       | 285.460.000                 | 253.270.000                      |
| 2                | Tập huấn kỹ thuật      | 7.860.000                   | 7.545.600                        |
| 3                | Tổng kết mô hình       | 7.860.000                   | 0                                |
| 4                | Thông tin tuyên truyền | 2.000.000                   | 2.000.000                        |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>303.180.000</b>          | <b>262.815.600</b>               |

## VI. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

## 1. Kết luận

- Xây dựng 02 mô hình nuôi kết hợp tôm sú với cá dìa, cá dò.
- Hai mô hình đều bị thiệt hại do ngập lụt từ ngày 16/11 - 22/11/2025 và áp thấp nhiệt đới giữa cuối tháng 10/2025 nên đánh giá kết quả đạt được trước khi xảy ra thiệt hại cụ thể như sau: Tôm sú đạt kích cỡ trung bình 100 con/kg, cá dìa đạt kích cỡ trung bình 200 g/con, tỷ lệ sống đạt trung bình 70%.
- Tập huấn xây dựng mô hình: triển khai 01/01 lớp với số lượng 30 hộ dân tham dự.
- Thông tin tuyên truyền: 2/2 hộ triển khai mô hình đều có pano quảng cáo mô hình.
- Tổng kết mô hình: Không tổ chức do mô hình thiệt hại vì mưa lũ.

## 2. Kiến nghị

- *Đối với hộ dân*: Tiếp tục khắc phục hậu quả sau ngập lụt, thực hiện đầy đủ các bước cải tạo ao dìa, ổn định chất lượng môi trường nước để chuẩn bị tốt cho vụ nuôi tiếp theo.
- *Đối với Trung tâm*: Tiếp tục hỗ trợ và triển khai mô hình trong thời gian tới; tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm bền vững kết hợp cá dìa, cá dò nhằm tạo cơ sở nhân rộng mô hình ra cộng đồng.
- *Đối với chính quyền địa phương*: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận mô hình, hỗ trợ công tác tập huấn, truyền thông và khuyến khích nhân rộng các mô hình nuôi kết hợp phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương./.

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 03 năm 2026

**Cán bộ phụ trách mô hình**



**Đặng Bảo Uyên**

**CƠ QUAN CHỦ TRÌ MÔ HÌNH**



**Nguyễn Văn Dũng**

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRIỂN KHAI MÔ HÌNH

### 1. Đi khảo sát chọn hộ



**Hình 1. Đi khảo sát chọn hộ tại xã Đại Lãnh ngày 21/05/2025**



**Hình 2. Đi khảo sát chọn hộ tại phường Hòa Thắng ngày 21/05/2025**

## 2. Giao giống tôm sú cho hộ dân



**Hình 3. Giao giống tôm sú cho hộ dân tại phường Hòa Thắng ngày 23/06/2025**

## 3. Giao giống tôm sú cho hộ ông Nguyễn Phụng



**Hình 4. Giao giống tôm sú cho hộ dân tại xã Đại Lãnh ngày 23/06/202**

#### 4. Giao giống cá diạ cho hộ dân



**Hình 5. Giao giống cá diạ cho hộ dân tại phường Hòa Thắng ngày 24/06/2025**



**Hình 6. Giao giống cá diạ cho hộ dân tại xã Đại Lãnh ngày 24/06/2025**

## 5. Giao vật tư cho hộ dân



**Hình 7. Giao thức ăn công nghiệp lần 1 cho hộ dân tại phường Hòa Thắng ngày 21/6/2025**



**Hình 8. Giao thức ăn công nghiệp lần 2 cho hộ dân tại phường Hòa Thắng ngày 23/09/2025**



**Hình 9. Giao thức ăn lần 1 cho hộ dân tại xã Đại Lãnh ngày 21/06/2025**

## 6. Giao pano mô hình cho hai hộ dân



**Hình 10. Giao pano mô hình cho hộ dân tại phường Hòa Thắng**



**Hình 11. Giao pano mô hình cho hộ dân tại xã Đại Lãnh**

## 7. Kiểm tra mô hình



**Hình 12. Đi kiểm tra mô hình tại phường Hòa Thắng**



**Hình 13. Đi kiểm tra mô hình tại xã Đại Lãnh**

**5. Thu hoạch:**

**Hình 14. Đoàn kiểm tra, đánh giá hiện trạng thiệt hại mô hình tại xã Đại Lãnh bị ảnh hưởng áp thấp nhiệt đới giữa cuối tháng 10/2025, ngày 23/09/25 và 26/10/2025**





**Hình 15. Hộ dân tại phường Hòa Thắng bị ngập lụt mô hình thiệt hại hoàn toàn, đoàn công tác hướng dẫn hộ dân thực hiện cải tạo ao đìa sau bão lũ ngày 26/11/2025**

**PHỤ LỤC 1: ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ HIỆU QUẢ KINH TẾ TRƯỚC THIẾT HẠI****Bảng 1. Chỉ tiêu kỹ thuật 02 mô hình trước khi xảy ra thiệt hại**

| <b>STT</b> | <b>Chỉ tiêu kỹ thuật</b>              | <b>Hộ dân phường<br/>Hòa Thắng</b>                    | <b>Hộ dân xã Đại<br/>Lãnh</b>                         | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------------|---|---|----------------|
| 1          | Thời gian nuôi                        | 05 tháng  | 04 tháng  |                |
| 2          | Diện tích                             | 20.000 m <sup>2</sup>                                 | 10.000 m <sup>2</sup>                                 |                |
| 3          | Độ mặn                                | 10‰-25‰   | 20‰-35‰   | 15‰-25‰        |
| 4          | Số lượng giống<br>tôm sú thả          | 300.000 con   | 150.000 con   |                |
| 5          | Số lượng giống cá<br>đìa thả          | 10.000 con  | 5.000 con   |                |
| 6          | Kích cỡ tôm sú<br>giống thả (g/con)   | PL 15   | PL 15   |                |
| 7          | Kích cỡ cá đìa<br>giống thả (g/con)   | 4 – 6 cm/con  | 4 – 6 cm/con  |                |
| 8          | Loại thức ăn sử<br>dụng               | - Thức ăn công<br>nghiệp: hàm lượng<br>protein ≥ 40%. | - Thức ăn công<br>nghiệp: hàm lượng<br>protein ≥ 40%. |                |
| 9          | Kích cỡ tôm sú<br>trung bình (con/kg) | 100   | 200   |                |
| 10         | Kích cỡ cá đìa<br>trung bình (g/con)  | 200   | 150   |                |
| 11         | Tỷ lệ sống (%)                        | 75  | < 70  |                |
| 12         | Khối lượng thức<br>ăn đã sử dụng (kg) | 6.000/7000  | 1.880/3.500   |                |
| 13         | Năng suất (kg/ha)                     | 1.250   | 175   |                |
| 14         | Sản lượng tôm sú<br>(kg)              | 2.250   | 525   |                |
| 15         | Sản lượng cá đìa<br>(kg)              | 1.500   | 525   |                |
| 16         | Hệ số thức ăn<br>(FCR)                | 1,6   | 1,8   |                |

**Bảng 2. Tổng hợp chi phí đầu tư hai mô hình**

| STT                 | Nội dung                                | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền         | Hỗ trợ             | Đối ứng            |
|---------------------|---|-----|----------|---------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1                   | Giống tôm sú                            | con | 450.000  | 140     | 63.000.000         | 31.500.000         | 31.500.000         |
| 2                   | Giống cá dìa                            | con | 15.000   | 6.000   | 90.000.000         | 45.000.000         | 45.000.000         |
| 3                   | Thức ăn tôm sú                          | Kg  | 7.880    | 37.000  | 291.560.000        | 162.060.000        | 129.500.000        |
| 4                   | Hóa chất (Iodine)                       | lít | 60       | 265.000 | 15.900.000         | 7.950.000          | 7.950.000          |
| 5                   | Vitamin C                               | kg  | 52       | 200.000 | 10.400.000         | 5.200.000          | 5.200.000          |
| 6                   | Khoáng                                  | kg  | 52       | 60.000  | 3.120.000          | 1.560.000          | 1.560.000          |
| 7                   | Chi phí khác (cải tạo ao đìa, điện,...) | vụ  | 01       |         | 40.000.000         |                    | 40.000.000         |
| <b>Tổng chi phí</b> |   |     |          |         | <b>513.980.000</b> | <b>253.270.000</b> | <b>293.270.000</b> |

**Bảng 3. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế mô hình trước khi thiệt hại**

| STT | Nội dung                           | Phường Hòa Thắng | Xã Đại Lãnh |
|-----|------------------------------------|------------------|-------------|
| 1   | Giá bán tôm sú (đồng/kg)           | 160.000          | 140.000     |
| 2   | Giá bán cá dìa (đồng/kg)           | 120.000          | 100.000     |
| 3   | Chi phí sản xuất (đồng)            | 373.700.000      | 145.280.000 |
| 4   | Số lượng tôm sú (con)              | 225.000          | 105.000     |
| 5   | Số lượng cá dìa (con)              | 7.500            | 3.500       |
| 6   | Kích cỡ tôm sú trung bình (con/kg) | 100              | 200         |

|    |                                   |                    |                          |
|----|-----------------------------------|--------------------|--------------------------|
| 7  | Kích cỡ cá dìa trung bình (g/con) | 200                | 150                      |
| 8  | Sản lượng tôm sú (kg)             | 2.250              | 525                      |
| 9  | Sản lượng cá dìa (kg)             | 1.500              | 525                      |
| 10 | <b>Gía trị thu hoạch</b>          | <b>540.000.000</b> | <b>126.000.000</b>       |
| 11 | <b>Lợi nhuận (đồng)</b>           | <b>166.300.000</b> | <b>- 19.280.000 (lỗ)</b> |
| 12 | <b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>      | <b>44,5</b>        | <b>-</b>                 |

Trước khi xảy ra thiệt hại, mô hình tại phường Hòa Thắng đạt hiệu quả kinh tế khá cao, với tỷ suất lợi nhuận đạt **44,5%**. Ngược lại, mô hình tại xã Đại Lãnh do ảnh hưởng bất lợi của thời tiết nên hiệu quả thấp, phát sinh thua lỗ.

Tính chung toàn mô hình (3 ha), lợi nhuận ước đạt **147.020.000 đồng** trên tổng chi phí khoảng **513.980.000 đồng**, tương ứng tỷ suất lợi nhuận khoảng **28,6%**, vượt chỉ tiêu đề ra (hiệu quả kinh tế mô hình  $\geq 25\%$ ). Điều này cho thấy mô hình bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế và có tiềm năng nhân rộng trong điều kiện bình thường, tuy nhiên hiệu quả giữa các điểm còn chênh lệch do yếu tố thời tiết và khả năng quản lý.